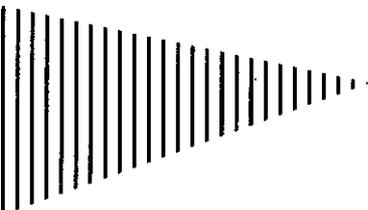


Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 31 tháng 3 năm 2016



**Building a better
working world**

Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kết quả công tác soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 35

Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1400437290 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 21 tháng 11 năm 2002, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 143/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 7 năm 2010. Tuy nhiên, Công ty đã được cổ đông thông qua phương án hủy niêm yết cổ phiếu của Công ty trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Nghị quyết số 02/2015/NQ-ĐHĐCĐ tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2015 tổ chức vào ngày 7 tháng 8 năm 2015. Theo đó, cổ phiếu của Công ty đã được hủy niêm yết chính thức vào ngày 15 tháng 12 năm 2015 theo Quyết định số 506/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 11 năm 2015.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, gia công chế biến thức ăn thủy sản, gia súc và gia cầm; bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho thủy sản, gia súc và gia cầm; và nuôi trồng thủy sản.

Công ty có trụ sở chính tại Lô II-1, II-2, II-3 Khu C Mở rộng, Khu Công nghiệp Sa Đéc, Xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam và chi nhánh tại Lô A&B, Khu Công nghiệp Sông Hậu, Xã Tân Thành, Huyện Lai Vung, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Dương Ngọc Minh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quang Hiền	Thành viên
Ông Mã Minh Quang	Thành viên
Ông Lê Mạnh Đức	Thành viên
Ông Hà Việt Thắng	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Võ Minh Phương	Trưởng ban
Ông Lương Nam Hữu	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thắng	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Quang Hiền	Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Dương Duy Tâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Đình Châu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Văn Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Chiêm Tấn	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Quang Hiền.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 31 tháng 3 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty là công ty mẹ của các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 12 và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016 được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được phát hành riêng lẻ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập trên để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Giám đốc:


Nguyễn Quang Hiền
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 5 năm 2016



Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

**Building a better
working world**

Số tham chiếu: 60933503/18563728-LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng ("Công ty"), được lập ngày 16 tháng 5 năm 2016, từ trang 5 đến trang 35 bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 31 tháng 3 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 31 tháng 3 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



**Building a better
working world**

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đó và báo cáo soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ của chúng tôi đề ngày 16 tháng 5 năm 2016 đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần. Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015 chỉ được trình bày cho mục đích so sánh, chưa được soát xét.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Dương Lê Anh Bình
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2223-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 16 tháng 5 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2016	Ngày 30 tháng 9 năm 2015
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.794.363.271.019	2.651.425.357.486
110	I. Tiền	4	129.083.509.877	52.085.626.815
111	1. Tiền		129.083.509.877	52.085.626.815
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	32.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	32.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.833.393.135.876	1.687.036.083.286
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	1.168.717.016.209	1.014.950.294.895
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	617.162.080.245	659.337.205.577
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	58.986.880.336	20.492.787.196
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.1	(11.472.840.914)	(7.744.204.382)
140	IV. Hàng tồn kho	7	817.067.625.022	869.838.190.902
141	1. Hàng tồn kho		817.067.625.022	869.838.190.902
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		14.819.000.244	10.465.456.483
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	2.097.873.853	2.293.345.119
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	4.890.230.144
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	14	12.721.126.391	3.281.881.220
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		770.327.927.768	313.247.566.940
220	I. Tài sản cố định		178.693.629.449	186.143.897.850
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	177.723.990.294	185.074.864.528
222	Nguyên giá		383.581.277.425	373.967.756.366
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(205.857.287.131)	(188.892.891.838)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	969.639.155	1.069.033.322
228	Nguyên giá		2.227.478.775	2.227.478.775
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.257.839.620)	(1.158.445.453)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		311.654.114.658	95.882.171.177
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	311.654.114.658	95.882.171.177
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn		250.000.000.000	-
251	1. Đầu tư vào công ty con	12	250.000.000.000	-
260	IV. Tài sản dài hạn khác		29.980.183.661	31.221.497.913
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	23.436.642.197	20.106.177.845
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.3	6.543.541.464	11.115.320.068
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.564.691.198.787	2.964.672.924.426

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2016

VND

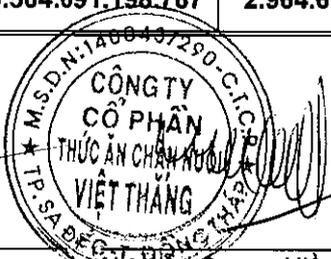
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2016	Ngày 30 tháng 9 năm 2015
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.406.164.878.357	1.906.157.784.100
310	I. Nợ ngắn hạn		2.156.492.628.659	1.889.789.383.082
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	182.336.410.649	118.045.669.205
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		5.666.587.026	1.165.944.683
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	161.013.483	6.456.311.296
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	8.164.453.976	4.149.249.762
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	16	143.949.369.425	43.325.960.061
320	6. Vay ngắn hạn	17	1.802.976.244.818	1.702.850.798.793
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	13.238.549.282	13.795.449.282
330	II. Nợ dài hạn		249.672.249.698	16.368.401.018
338	1. Vay dài hạn	17	247.561.890.180	14.253.241.500
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn		2.110.359.518	2.115.159.518
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.158.526.320.430	1.058.515.140.326
410	I. Vốn chủ sở hữu	19.1	1.158.526.320.430	1.058.515.140.326
411	1. Vốn cổ phần		418.127.810.000	418.127.810.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		418.127.810.000	418.127.810.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		203.825.180.000	203.825.180.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		139.644.123.910	139.644.123.910
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		396.929.206.520	296.918.026.416
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		338.730.807.416	187.290.096.068
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		58.198.399.104	109.627.930.348
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.564.691.198.787	2.964.672.924.426

Nguyễn Ngọc Thắm

Nguyễn Ngọc Thắm
Người lập

Nguyễn Công Bằng

Nguyễn Công Bằng
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Hiến
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 5 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015 (Chưa soát xét)
01	1. Doanh thu bán hàng	20.1	2.421.734.897.114	2.667.769.217.857
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	(53.380.023.629)	(50.808.729.445)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng		2.368.354.873.485	2.616.960.488.412
11	4. Giá vốn hàng bán	21	(2.212.810.126.319)	(2.514.118.901.587)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		155.544.747.166	102.841.586.825
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	1.242.442.830	2.304.543.594
22	7. Chi phí tài chính	22	(53.025.502.659)	(11.682.463.282)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(52.758.686.612)	(10.850.843.055)
25	8. Chi phí bán hàng	23	(16.682.416.959)	(14.100.648.341)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(20.319.349.908)	(14.464.462.116)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		66.759.920.470	64.898.556.680
31	11. Thu nhập khác	25	1.818.558.105	1.728.716.245
32	12. Chi phí khác	25	(98.038.329)	(53.379.296)
40	13. Lợi nhuận khác	25	1.720.519.776	1.675.336.949
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		68.480.440.246	66.573.893.629
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(5.710.262.538)	(8.285.682.242)
52	16. (Chi phí) thu nhập thuế thu nhập hoãn lại	27.3	(4.571.778.604)	554.825.636
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		58.198.399.104	58.843.037.023

(Handwritten signature)

Nguyễn Ngọc Thẩm
Người lập

(Handwritten signature)

Nguyễn Công Bằng
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Hiền
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 5 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015 (Chưa soát xét)
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		68.480.440.246	66.573.893.629
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	9, 10	17.063.789.460	16.879.479.050
03	Dự phòng		3.723.836.532	2.191.093.592
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		23.364.000	16.353.911
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(585.233.334)	(2.177.699.494)
06	Chi phí lãi vay	22	52.758.686.612	10.850.843.055
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		141.464.883.516	94.333.963.743
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(85.500.626.859)	66.924.284.387
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		52.770.565.880	(43.117.455.004)
11	Tăng các khoản phải trả		210.975.675.766	104.766.876.979
12	Tăng chi phí trả trước		(3.134.993.086)	(13.423.921.647)
14	Tiền lãi vay đã trả		(48.441.899.808)	(9.672.972.108)
15	Thuế TNDN đã nộp	27.2	(16.928.425.298)	(19.343.866.658)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(556.900.000)	(4.537.050.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		250.648.280.111	175.929.859.692
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(291.129.558.422)	(90.253.868.880)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ		-	1.370.909.091
23	Tiền gửi có kỳ hạn		-	(32.000.000.000)
24	Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn		32.000.000.000	50.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(250.000.000.000)	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi		2.045.066.668	1.519.944.445
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(507.084.491.754)	(69.363.015.344)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		2.138.611.822.334	862.066.384.966
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.805.177.727.629)	(945.667.208.185)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		333.434.094.705	(83.600.823.219)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015 (Chưa soát xét)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		76.997.883.062	22.966.021.129
60	Tiền đầu kỳ		52.085.626.815	63.279.972.826
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	(16.353.911)
70	Tiền cuối kỳ	4	129.083.509.877	86.229.640.044



Nguyễn Ngọc Thắm
Người lập



Nguyễn Công Bằng
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Hiền
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 5 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1400437290 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 21 tháng 11 năm 2002, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 143/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 7 năm 2010. Tuy nhiên, Công ty đã được cổ đông thông qua phương án hủy niêm yết cổ phiếu của Công ty trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Nghị quyết số 02/2015/NQ-ĐHĐCĐ tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2015 tổ chức vào ngày 7 tháng 8 năm 2015. Theo đó, cổ phiếu của Công ty đã được hủy niêm yết chính thức vào ngày 15 tháng 12 năm 2015 theo Quyết định số 506/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 11 năm 2015.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, gia công chế biến thức ăn thủy sản, gia súc và gia cầm; bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho thủy sản, gia súc và gia cầm; và nuôi trồng thủy sản.

Công ty có trụ sở chính tại Lô II-1, II-2, II-3 Khu C Mở rộng, Khu Công nghiệp Sa Đéc, Xã Tân Khánh Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam và chi nhánh tại Lô A&B, Khu Công nghiệp Sông Hậu, Xã Tân Thành, Huyện Lai Vung, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam. Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 là 663 (ngày 30 tháng 9 năm 2015: 658).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 12. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016 phát hành ngày 16 tháng 5 năm 2016.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, ngày kết thúc kỳ kế toán của Công ty đã thay đổi từ ngày 31 tháng 12 sang ngày 30 tháng 9 theo Nghị quyết số 01/2015/NQ-ĐHCD của Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 ngày 18 tháng 3 năm 2015.

Theo đó, kỳ kế toán năm trước của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 và kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015. Kỳ kế toán năm hiện hành của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 và kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao và hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng vô thời hạn.

3.5 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	2 - 20 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	4 năm
Bản quyền phần mềm	5 năm

3.6 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất ký với Công ty TNHH MVT Khu công nghiệp HIDICO vào ngày 22 tháng 11 năm 2006 và Công ty Cổ phần Docimexco vào ngày 1 tháng 12 năm 2014 trong thời hạn lần lượt là 45 năm và 40 năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 *Trợ cấp thôi việc phải trả*

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.10 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.11 *Phân phối lợi nhuận thuần*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- ▶ Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

- ▶ Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

3.12 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.13 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành

Tài sản thuế TNDN và thuế TNDN phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế TNDN hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế TNDN hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế TNDN hiện hành phải nộp và tài sản thuế TNDN hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế TNDN của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

4. TIỀN

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2016	Ngày 30 tháng 9 năm 2015
Tiền mặt	1.493.250.969	495.561.595
Tiền gửi ngân hàng	127.590.258.908	51.590.065.220
TỔNG CỘNG	129.083.509.877	52.085.626.815

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2016	Ngày 30 tháng 9 năm 2015
Phải thu từ bên khác	832.065.758.190	527.086.525.267
Phải thu từ bên liên quan (<i>Thuyết minh số 28</i>)	336.651.258.019	487.863.769.628
TỔNG CỘNG	1.168.717.016.209	1.014.950.294.895
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(11.472.840.914)	(7.744.204.382)
GIÁ TRỊ THUẬN	1.157.244.175.295	1.007.206.090.513

Như được trình bày trong Thuyết minh số 17, Công ty đã thế chấp một phần khoản phải thu để đảm bảo khoản vay ngân hàng.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015 (Chưa soát xét)
Số đầu kỳ	(7.744.204.382)	(5.303.908.864)
Dự phòng trích lập trong kỳ	(3.728.636.532)	(2.191.093.592)
Số cuối kỳ	(11.472.840.914)	(7.495.002.456)

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2016	Ngày 30 tháng 9 năm 2015
Trả trước cho bên khác	617.162.080.245	634.766.533.209
<i>Trong đó:</i>		
<i>Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Dịch vụ</i>		
<i>Thương mại Cowin</i>	486.604.588.500	469.007.824.600
<i>Khác</i>	130.557.491.745	165.758.708.609
Trả trước cho bên liên quan (<i>Thuyết minh số 28</i>)	-	24.570.672.368
TỔNG CỘNG	617.162.080.245	659.337.205.577

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

6. PHẢI THU NGÂN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2016	Ngày 30 tháng 9 năm 2015
Nhận trả hộ	50.246.370.997	17.781.140.583
Cho mượn tạm	5.900.000.000	-
Khác	2.840.509.339	2.711.646.613
TỔNG CỘNG	58.986.880.336	20.492.787.196
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	57.458.775.797	17.781.140.583
<i>Phải thu bên khác</i>	1.528.104.539	2.711.646.613

7. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2016	Ngày 30 tháng 9 năm 2015
Nguyên liệu, vật liệu	746.563.829.385	789.805.788.576
Thành phẩm	43.285.013.446	54.093.601.278
Hàng mua đi đường	22.557.063.269	25.938.801.048
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.661.718.922	-
TỔNG CỘNG	817.067.625.022	869.838.190.902

Như được trình bày trong Thuyết minh số 17, Công ty đã thế chấp một phần hàng tồn kho để đảm bảo khoản vay ngân hàng.

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2016	Ngày 30 tháng 9 năm 2015
Ngắn hạn	2.097.873.853	2.293.345.119
Phí sử dụng hạ tầng, tiền thuê đất	876.163.162	167.289.625
Công cụ, dụng cụ	762.003.038	1.051.534.124
Khác	459.707.653	1.074.521.370
Dài hạn	23.436.642.197	20.106.177.845
Tiền thuê đất trả trước (*)	20.611.663.583	17.178.702.667
Công cụ, dụng cụ	2.299.978.614	2.927.475.178
Chi phí thuê trại heo	525.000.000	-
TỔNG CỘNG	25.534.516.050	22.399.522.964

(*) Như được trình bày trong Thuyết minh số 17, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất tại nhà máy Sa Đéc với giá trị còn lại là 6.516.164.241 VND để đảm bảo khoản vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND				
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:					
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2015	92.824.332.177	236.807.507.776	40.968.362.957	3.367.553.456	373.967.756.366
Mua mới trong kỳ	3.901.456.959	3.720.364.100	1.991.700.000	-	9.613.521.059
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2016	<u>96.725.789.136</u>	<u>240.527.871.876</u>	<u>42.960.062.957</u>	<u>3.367.553.456</u>	<u>383.581.277.425</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	4.594.378.411	20.990.606.488	1.925.003.890	692.743.693	28.202.732.482
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2015	37.053.026.570	133.303.421.541	15.889.616.906	2.646.826.821	188.892.891.838
Khấu hao trong kỳ	2.993.910.738	11.489.539.642	2.319.656.903	161.288.010	16.964.395.293
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2016	<u>40.046.937.308</u>	<u>144.792.961.183</u>	<u>18.209.273.809</u>	<u>2.808.114.831</u>	<u>205.857.287.131</u>
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2015	<u>55.771.305.607</u>	<u>103.504.086.235</u>	<u>25.078.746.051</u>	<u>720.726.635</u>	<u>185.074.864.528</u>
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2016	<u>56.678.851.828</u>	<u>95.734.910.693</u>	<u>24.750.789.148</u>	<u>559.438.625</u>	<u>177.723.990.294</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Tài sản sử dụng để cầm cố thế chấp (Thuyết minh số 17)</i>	23.573.621.573	81.480.443.431	-	-	105.054.065.004

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND			
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Bản quyền phần mềm</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 và ngày 31 tháng 3 năm 2016	<u>954.750.000</u>	<u>926.532.000</u>	<u>346.196.775</u>	<u>2.227.478.775</u>
Trong đó: Đã hao mòn hết	-	390.522.000	346.196.775	736.718.775
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2015	-	822.307.843	336.137.610	1.158.445.453
Hao mòn trong kỳ	-	89.335.002	10.059.165	99.394.167
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2016	-	<u>911.642.845</u>	<u>346.196.775</u>	<u>1.257.839.620</u>
Giá trị còn lại:				
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2015	<u>954.750.000</u>	<u>104.224.157</u>	<u>10.059.165</u>	<u>1.069.033.322</u>
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2016	<u>954.750.000</u>	<u>14.889.155</u>	-	<u>969.639.155</u>

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2015</i>
Dây chuyền sản xuất thức ăn	189.596.551.371	57.230.552.474
Xây dựng nhà máy	85.588.799.881	38.624.345.976
Trại heo	36.441.490.679	-
Khác	<u>27.272.727</u>	<u>27.272.727</u>
TỔNG CỘNG	<u>311.654.114.658</u>	<u>95.882.171.177</u>

Trong kỳ, Công ty đã phát sinh chi phí lãi vay được vốn hóa là 3.429.379.862 VND (cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015: không).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 như sau:

Công ty con	Ngày 31 tháng 3 năm 2016		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư		
	%	VND		
Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng Long An	100	200.000.000.000	Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	Sản xuất, gia công chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; chăn nuôi lợn; bán buôn động vật sống; mua bán thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản
Công ty TNHH Giồng – Chăn nuôi Việt Thắng An Giang	100	50.000.000.000	Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Chăn nuôi lợn; bán buôn động vật sống; mua bán thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản
Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng Bình Định	100	-	Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định	Sản xuất, gia công chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; chăn nuôi lợn; bán buôn động vật sống; mua bán thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản
Công ty TNHH Giồng – Chăn nuôi Việt Thắng Bình Định	100	-	Huyện Phù Cát, Tỉnh Bình Định	Chăn nuôi lợn; bán buôn động vật sống; mua bán thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản
TỔNG CỘNG		<u>250.000.000.000</u>		

Các công ty con này được thành lập trong kỳ và đang trong giai đoạn trước hoạt động.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2016	Ngày 30 tháng 9 năm 2015
Phải trả cho bên khác	166.896.952.629	101.988.371.205
<i>Trong đó:</i>		
Công ty TNHH Minh Huy	42.001.116.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Nông Sản Việt	27.793.898.450	25.941.818.875
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Toàn Thắng Plastics	8.596.907.077	18.002.991.812
Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Trại Việt	7.290.857.463	12.347.945.300
Khác	81.214.173.639	45.695.615.218
Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 28)	15.439.458.020	16.057.298.000
TỔNG CỘNG	<u>182.336.410.649</u>	<u>118.045.669.205</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Ngày 30 tháng 9 năm 2015	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 31 tháng 3 năm 2016
Phải nộp				
Thuế TNDN (Thuyết minh số 27.2)	6.368.346.018	5.710.262.538	(12.078.608.556)	-
Thuế thu nhập cá nhân	84.365.278	1.551.690.951	(1.495.019.110)	141.037.119
Khác	3.600.000	42.216.364	(25.840.000)	19.976.364
TỔNG CỘNG	<u>6.456.311.296</u>	<u>7.304.169.853</u>	<u>(13.599.467.666)</u>	<u>161.013.483</u>
Phải thu				
Thuế TNDN (Thuyết minh số 27.2)	-	4.849.816.742	-	4.849.816.742
Thuế giá trị gia tăng	3.281.881.220	5.491.180.181	(901.751.752)	7.871.309.649
TỔNG CỘNG	<u>3.281.881.220</u>	<u>10.340.996.923</u>	<u>(901.751.752)</u>	<u>12.721.126.391</u>

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2016	Ngày 30 tháng 9 năm 2015
Chi phí lãi vay	7.450.424.861	3.133.638.057
Khác	714.029.115	1.015.611.705
TỔNG CỘNG	<u>8.164.453.976</u>	<u>4.149.249.762</u>

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2016	Ngày 30 tháng 9 năm 2015
Mượn tạm	141.977.080.880	-
Phải trả bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	791.879.051	688.625.000
Cổ tức phải trả	56.999.050	41.869.780.050
Khác	1.123.410.444	767.555.011
TỔNG CỘNG	<u>143.949.369.425</u>	<u>43.325.960.061</u>
Trong đó:		
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 28)	141.977.080.880	37.748.271.000
Phải trả bên khác	1.972.288.545	5.577.689.061

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

17. VAY

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2016	Ngày 30 tháng 9 năm 2015
Vay ngắn hạn	1.802.976.244.818	1.702.850.798.793
Vay ngắn hạn từ ngân hàng (Thuyết minh số 17.1)	1.744.976.244.818	1.702.850.798.793
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 17.2 và 17.3)	58.000.000.000	-
Vay dài hạn	247.561.890.180	14.253.241.500
Trái phiếu phát hành (Thuyết minh số 17.3)	158.113.194.600	-
Vay dài hạn từ ngân hàng (Thuyết minh số 17.2)	89.448.695.580	14.253.241.500
TỔNG CỘNG	<u>2.050.538.134.998</u>	<u>1.717.104.040.293</u>

Tình hình tăng giảm các khoản vay như sau:

	VND	
	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn
Ngày 30 tháng 9 năm 2015	1.702.850.798.793	14.253.241.500
Tiền thu từ đi vay	1.847.303.173.654	293.195.454.080
Tiền chi trả nợ gốc vay	(1.805.177.727.629)	-
Chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	58.000.000.000	(58.000.000.000)
Chi phí phát hành trái phiếu	-	(2.090.000.000)
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	-	203.194.600
Ngày 31 tháng 3 năm 2016	<u>1.802.976.244.818</u>	<u>247.561.890.180</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

17. VAY (tiếp theo)

17.1 Vay ngắn hạn từ ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 31 tháng 3 năm 2016 VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	1.102.843.686.291	Từ ngày 8 tháng 4 năm 2016 đến ngày 30 tháng 9 năm 2016	5,50	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Long An	268.933.552.946	Từ ngày 15 tháng 4 năm 2016 đến ngày 30 tháng 9 năm 2016	5,50	Nhà máy sản xuất thức ăn và quyền sử dụng đất tại các Lô II-1, II-2 và II-3, Khu Công nghiệp Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh An Giang, Hợp đồng tín dụng số 0037.02.HĐTD.2.261.15	109.471.787.415	Từ ngày 3 tháng 5 năm 2016 đến ngày 17 tháng 6 năm 2016	Từ 5,50 đến 5,80	Hàng tồn kho với giá trị tương đương với dư nợ gốc; toàn bộ nghĩa vụ thanh toán liên quan đến khoản vay được bảo lãnh bởi bên liên quan là Công ty Cổ phần Hùng Vương và Ông Dương Ngọc Minh, Chủ tịch Hội đồng Quản trị, theo các điều khoản và điều kiện của Thư bảo lãnh
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh An Giang, Hợp đồng tín dụng số 0039.02.HĐTD.2.261.15	76.650.592.775	Từ ngày 7 tháng 7 năm 2016 đến ngày 19 tháng 7 năm 2016	Từ 5,50 đến 5,80	Các khoản phải thu với tổng giá trị tương đương với 80.000.000.000 VND
Ngân hàng TNHH CTBC – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	109.357.681.381	Từ ngày 20 tháng 4 năm 2016 đến ngày 29 tháng 7 năm 2016	Từ 5,50 đến 6,20	Quyền ưu tiên thứ nhất các khoản phải thu với giá trị còn lại tối thiểu tương đương với 5.000.000 đô la Mỹ
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Đồng Tháp	77.718.944.010	Từ ngày 3 tháng 9 năm 2016 đến ngày 24 tháng 9 năm 2016	6,50	Khoản phải thu bình quân trị giá tối thiểu 100.000.000.000 VND
TỔNG CỘNG	<u>1.744.976.244.818</u>			

Các khoản vay này được sử dụng nhằm mục đích bổ sung nhu cầu nguồn vốn lưu động của Công ty.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

17. VAY (tiếp theo)

17.2 Vay dài hạn từ ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 31 tháng 3 năm 2016 VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	<u>107.448.695.580</u>	Trả hàng quý, từ ngày 24 tháng 9 năm 2015 đến ngày 24 tháng 9 năm 2020	9,00	Các công trình, hạng mục phụ trợ xây dựng và dây chuyền máy móc thiết bị sản xuất thuộc dự án đầu tư mở rộng nhà máy Việt Thắng tại Lai Vung trị giá 376.625.000.000 VND
<i>Trong đó:</i> Vay dài hạn đến hạn trả	18.000.000.000			

Khoản vay này được sử dụng nhằm mục đích đầu tư mở rộng nhà máy Lai Vung.

17.3 Trái phiếu phát hành

Chi tiết trái phiếu vào ngày 31 tháng 3 năm 2016 được trình bày như sau:

Tổ chức thu xếp phát hành	Ngày phát hành	Giá trị VND	Kỳ hạn
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh An Giang Chi phí phát hành trái phiếu	Ngày 18 tháng 12 năm 2015	200.000.000.000 <u>(1.886.805.400)</u>	5 năm
TỔNG CỘNG		<u>198.113.194.600</u>	
<i>Trong đó:</i> Vay dài hạn đến hạn trả		40.000.000.000	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

17. VAY (tiếp theo)

17.3 Trái phiếu phát hành (tiếp theo)

Vào ngày 18 tháng 12 năm 2015, Công ty đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 200 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VND) do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh An Giang (“VIB”) đặt mua.

Trái phiếu này được hoàn trả sau năm (5) năm kể từ ngày phát hành, trả lãi sáu (6) tháng một lần, với lãi suất 7,5%/năm cho hai (2) kỳ tính lãi đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng bình quân lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam kỳ hạn mười hai (12) tháng được công bố tại Hội sở/ Sở Giao dịch của VIB, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam cộng với biên độ 2,5%/năm.

Công ty cam kết mua lại trái phiếu như sau:

- Vào ngày tròn mười hai (12) tháng kể từ ngày phát hành: cam kết mua lại tối thiểu 20% số trái phiếu người sở hữu tài sản đang nắm giữ;
- Vào ngày tròn hai mươi bốn (24) tháng kể từ ngày phát hành: cam kết mua lại tối thiểu 20% số trái phiếu người sở hữu tài sản đang nắm giữ;
- Vào ngày tròn ba mươi sáu (36) tháng kể từ ngày phát hành: cam kết mua lại tối thiểu 20% số trái phiếu người sở hữu tài sản đang nắm giữ; và
- Vào ngày tròn bốn mươi tám (48) tháng kể từ ngày phát hành: cam kết mua lại tối thiểu 20% số trái phiếu người sở hữu tài sản đang nắm giữ.

Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành này được sử dụng để bổ sung vốn lưu động và cơ cấu lại các khoản nợ của Công ty.

Tài sản đảm bảo cho trái phiếu này là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu công trình, nhà xưởng, máy móc, thiết bị của Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng Long An; quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản khác hình thành từ các chương trình đầu tư được tài trợ bởi tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu. Ngoài ra, toàn bộ nghĩa vụ thanh toán liên quan đến trái phiếu được bảo lãnh bởi Ông Dương Ngọc Minh, Chủ tịch Hội đồng Quản trị, theo các điều khoản và điều kiện của Thư bảo lãnh ngày 16 tháng 12 năm 2015.

18. QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015 (Chưa soát xét)</i>
Số đầu kỳ	13.795.449.282	8.337.540.971
Tăng trong kỳ	-	5.895.303.710
Sử dụng trong kỳ	(556.900.000)	(234.500.000)
Số cuối kỳ	<u>13.238.549.282</u>	<u>13.998.344.681</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình thay đổi nguồn vốn chủ sở hữu

						VND
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015						
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2014 (<i>đã được trình bày trước đây</i>)	418.127.810.000	203.825.180.000	52.115.592.139	56.693.173.703	233.501.376.735	964.263.132.577
Trình bày lại (*)	-	-	56.693.173.703	(56.693.173.703)	-	-
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2014 (<i>được trình bày lại</i>)	418.127.810.000	203.825.180.000	108.808.765.842	-	233.501.376.735	964.263.132.577
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	58.843.037.023	58.843.037.023
Phân phối lợi nhuận	-	-	30.835.358.068	-	(30.835.358.068)	-
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(3.898.000.000)	(3.898.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(4.625.303.710)	(4.625.303.710)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(41.812.781.000)	(41.812.781.000)
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2015	<u>418.127.810.000</u>	<u>203.825.180.000</u>	<u>139.644.123.910</u>	<u>-</u>	<u>211.172.970.980</u>	<u>972.770.084.890</u>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016						
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2015	418.127.810.000	203.825.180.000	139.644.123.910	-	296.918.026.416	1.058.515.140.326
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	58.198.399.104	58.198.399.104
Hoàn nhập cổ tức công bố (**)	-	-	-	-	41.812.781.000	41.812.781.000
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2016	<u>418.127.810.000</u>	<u>203.825.180.000</u>	<u>139.644.123.910</u>	<u>-</u>	<u>396.929.206.520</u>	<u>1.158.526.320.430</u>

(*) Trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014.

(**) Vào ngày 27 tháng 1 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông đã phê duyệt Nghị quyết số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ, thông qua phương án hủy chia cổ tức năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Ngày 31 tháng 3 năm 2016</u>		<u>Ngày 30 tháng 9 năm 2015</u>	
	<i>Vốn cổ phần</i>	<i>%</i>	<i>Vốn cổ phần</i>	<i>%</i>
	<i>VND</i>	<i>sở hữu</i>	<i>VND</i>	<i>sở hữu</i>
Công ty Cổ phần Hùng Vương	377.915.210.000	90,38	377.915.210.000	90,38
Các cổ đông khác	40.212.600.000	9,62	40.212.600.000	9,62
TỔNG CỘNG	418.127.810.000	100,00	418.127.810.000	100,00

19.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015 (Chưa soát xét)</i>
Vốn cổ phần đã góp		
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	<u>418.127.810.000</u>	<u>418.127.810.000</u>
Cổ tức công bố	-	41.812.781.000

19.4 Cổ phiếu

	<u>Số lượng cổ phiếu</u>	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2015</i>
Cổ phiếu được phép phát hành	41.812.781	41.812.781
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	41.812.781	41.812.781
Cổ phiếu đang lưu hành		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	41.812.781	41.812.781

Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu bán hàng

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015 (Chưa soát xét)
		VND
Tổng doanh thu	2.421.734.897.114	2.667.769.217.857
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu thành phẩm - Thức ăn thủy sản	2.296.137.960.645	2.561.251.442.261
Doanh thu thành phẩm - Thức ăn gia súc	110.288.776.469	101.982.075.596
Doanh thu bán nguyên liệu	15.308.160.000	4.535.700.000
Các khoản giảm trừ doanh thu	(53.380.023.629)	(50.808.729.445)
Chiết khấu thương mại	(53.380.023.629)	(50.808.729.445)
DOANH THU THUẦN	2.368.354.873.485	2.616.960.488.412
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu thành phẩm - Thức ăn thủy sản	2.247.656.826.434	2.512.533.874.322
Doanh thu thành phẩm - Thức ăn gia súc	105.389.887.051	99.890.914.090
Doanh thu bán nguyên liệu	15.308.160.000	4.535.700.000
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với bên khác	1.960.579.434.531	2.289.903.535.895
Doanh thu đối với bên liên quan	407.775.438.954	327.056.952.517

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015 (Chưa soát xét)
		VND
Lãi tiền gửi	769.576.774	1.826.756.473
Lãi chênh lệch tỷ giá	472.866.056	356.859.379
Khác	-	120.927.742
TỔNG CỘNG	1.242.442.830	2.304.543.594

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015 (Chưa soát xét)
		VND
Giá vốn thức ăn thủy sản	2.097.233.040.424	2.413.843.097.284
Giá vốn thức ăn gia súc	100.399.818.145	96.009.570.639
Giá vốn nguyên liệu	15.177.267.750	4.266.233.664
TỔNG CỘNG	2.212.810.126.319	2.514.118.901.587

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015 (Chưa soát xét)</i>
		VND
Chi phí lãi vay	52.758.686.612	10.850.843.055
Chi phí phát hành trái phiếu	203.194.600	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	63.621.447	831.620.227
TỔNG CỘNG	<u>53.025.502.659</u>	<u>11.682.463.282</u>

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015 (Chưa soát xét)</i>
		VND
Chi phí nhân công	7.129.001.168	5.180.393.104
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.946.964.886	6.091.505.348
Chi phí vật liệu bán hàng	1.031.129.746	494.270.637
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	308.667.621	282.786.473
Chi phí khác	4.266.653.538	2.051.692.779
TỔNG CỘNG	<u>16.682.416.959</u>	<u>14.100.648.341</u>

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015 (Chưa soát xét)</i>
		VND
Chi phí nhân công	8.222.418.278	5.596.341.868
Chi phí lập dự phòng các khoản phải thu	3.728.636.532	2.191.093.592
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.371.471.003	3.037.304.121
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	1.010.239.619	828.226.079
Chi phí vật liệu quản lý	148.164.942	127.644.429
Chi phí khác	3.838.419.534	2.683.852.027
TỔNG CỘNG	<u>20.319.349.908</u>	<u>14.464.462.116</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

25. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015 (Chưa soát xét)</i>
Thu nhập khác	1.818.558.105	1.728.716.245
Thu nhập từ bán phế liệu	1.071.095.910	1.054.403.638
Thu nhập khác	747.462.195	674.312.607
Chi phí khác	(98.038.329)	(53.379.296)
Chi phí khác	(98.038.329)	(53.379.296)
LỢI NHUẬN KHÁC	<u>1.720.519.776</u>	<u>1.675.336.949</u>

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015 (Chưa soát xét)</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.137.655.619.279	2.440.166.162.686
Chi phí nhân công	46.779.514.708	38.597.557.112
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.978.013.518	29.394.002.181
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	16.990.529.460	16.830.639.050
Chi phí khác	13.836.704.235	9.469.571.782
TỔNG CỘNG	<u>2.241.240.381.200</u>	<u>2.534.457.932.811</u>

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế TNDN áp dụng là 15% thu nhập chịu thuế cho 12 năm đầu tiên và 20% thu nhập chịu thuế cho các năm sau. Công ty được miễn thuế TNDN cho các hoạt động kinh doanh chính trong ba (3) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (năm 2004), và được giảm 50% thuế suất thuế TNDN được áp dụng trong bảy (7) năm tiếp theo.

Ngoài ra, đối với dự án Sa Đéc 2, thuế suất thuế TNDN áp dụng là 20%, Công ty được miễn thuế TNDN cho các hoạt động kinh doanh chính trong ba (3) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (năm 2009), và được giảm 50% thuế suất thuế TNDN được áp dụng trong năm (5) năm tiếp theo.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đôi có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015 (Chưa soát xét)
Thuế TNDN phải trả ước tính sau khi giảm trừ	5.710.262.538	8.285.682.242
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	4.571.778.604	(554.825.636)
TỔNG CỘNG	10.282.041.142	7.730.856.606

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015 (Chưa soát xét)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	68.480.440.246	66.573.893.629
<i>Các điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán:</i>		
Thay đổi dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	3.728.636.532	2.191.093.592
Các chi phí không được khấu trừ	537.579.416	1.314.092.006
Thay đổi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(700.163)	16.353.911
Thay đổi dự phòng trợ cấp thôi việc	(4.800.000)	230.143.366
Thay đổi chi phí phải trả	(32.489.417)	(113.079.291)
Thay đổi chiết khấu thương mại	(37.868.789.586)	(14.504.987.338)
Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ hiện hành	34.839.877.028	55.707.509.875
Thuế TNDN phải trả ước tính trong kỳ hiện hành	8.361.716.412	12.255.652.173
Thuế TNDN được giảm trừ	(2.651.453.874)	(3.969.969.931)
Thuế TNDN phải trả ước tính sau khi giảm trừ	5.710.262.538	8.285.682.242
Thuế TNDN phải trả (trả thừa) đầu kỳ	6.368.346.018	9.925.227.811
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(16.928.425.298)	(19.343.866.658)
Thuế TNDN trả thừa cuối kỳ	(4.849.816.742)	(1.132.956.605)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015 (Chưa soát xét)</i>
Chiết khấu thương mại	3.761.965.554	9.064.716.175	(5.302.750.621)	(486.782.605)
Chi phí phải trả	64.935.823	78.577.077	(13.641.254)	10.170.965
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	2.294.568.183	1.548.840.876	745.727.307	853.314.210
Dự phòng trợ cấp thôi việc	422.071.904	423.031.904	(960.000)	174.525.206
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	154.036	(154.036)	3.597.860
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	6.543.541.464	11.115.320.068		
(Chi phí) lợi ích thuế thu nhập hoãn lại tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ			(4.571.778.604)	554.825.636

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

28. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với bên liên quan trong kỳ bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015 (Chưa soát xét)</i>
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang	Bên liên quan	Bán thức ăn thủy sản	317.641.065.600	286.858.162.915
Doanh nghiệp Tư nhân Việt Tiến	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	115.056.952.737	139.804.381.037
Công ty TNHH Cao Trí	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu Bán thức ăn thủy sản	98.073.789.172 55.359.905.854	21.988.729.300 33.860.653.002
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương Tây Nam	Bên liên quan	Chi phí gia công Bán nguyên vật liệu Mượn nguyên vật liệu Cho mượn nguyên vật liệu	11.101.464.000 8.930.580.000 - -	9.973.080.000 4.532.700.000 45.224.507.021 689.449.520
Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Thủy sản Hùng Vương Vĩnh Long	Bên liên quan	Bán nguyên vật liệu Cho mượn nguyên vật liệu	6.377.580.000 1.312.404.800	- -
Công ty Cổ phần Hóa chất Phúc Lâm	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	1.131.289.800	2.817.238.300
Công ty Cổ phần Hùng Vương	Công ty mẹ	Cổ tức phải trả Bán thức ăn thủy sản	- -	38.640.000.000 1.804.436.600
Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản An Lạc	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	-	1.525.103.600

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

28. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và tiền lương Ban Giám đốc trong kỳ như sau:

	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015 (Chưa soát xét)
Lương và các chi phí liên quan	<u>3.250.451.149</u>	<u>2.030.401.149</u>

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	VND Ngày 31 tháng 3 năm 2016	VND Ngày 30 tháng 9 năm 2015
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>				
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang	Bên liên quan	Bán thức ăn thủy sản	266.626.994.688	405.804.320.688
Công ty TNHH Cao Trí	Bên liên quan	Bán thức ăn thủy sản	68.576.833.831	37.036.641.613
Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Thủy sản Hùng Vương Vĩnh Long	Bên liên quan	Bán nguyên vật liệu	665.080.000	5.287.500.000
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương Tây Nam	Bên liên quan	Bán nguyên vật liệu	430.580.000	23.500.000.000
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương Miền Tây	Bên liên quan	Bán thức ăn thủy sản	351.769.500	5.885.462.000
Công ty Cổ phần Hùng Vương	Công ty mẹ	Bán thức ăn thủy sản	-	10.349.845.327
TỔNG CỘNG			<u>336.651.258.019</u>	<u>487.863.769.628</u>
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>				
Doanh nghiệp Tư nhân Việt Tiến	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	-	21.600.000.000
Công ty TNHH Cao Trí	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	-	2.970.672.368
TỔNG CỘNG			<u>-</u>	<u>24.570.672.368</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

28. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2016</i>	<i>VND Ngày 30 tháng 9 năm 2015</i>
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>				
Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Việt Thắng Bình Định	Công ty con	Thanh toán hộ	23.819.101.080	-
Công ty Cổ phần Hùng Vương	Công ty mẹ	Thanh toán hộ	17.781.140.583	17.781.140.583
Công ty TNHH Giống – Chăn nuôi Việt Thắng Bình Định	Công ty con	Thanh toán hộ Cho mượn tạm	8.646.129.334 5.900.000.000	- -
Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Thủy sản Hùng Vương Vĩnh Long	Bên liên quan	Cho mượn nguyên vật liệu	1.312.404.800	-
TỔNG CỘNG			57.458.775.797	17.781.140.583
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>				
Công ty TNHH Cao Trí	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	10.628.861.700	-
Doanh nghiệp Tư nhân Việt Tiến	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	4.810.596.320	-
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương Tây Nam	Bên liên quan	Chi phí gia công	-	15.921.423.000
Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản An Lạc	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	-	135.875.000
TỔNG CỘNG			15.439.458.020	16.057.298.000
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>				
Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Việt Thắng Long An	Công ty con	Mượn tiền	106.977.080.880	-
Công ty TNHH Giống – Chăn nuôi Việt Thắng An Giang	Công ty con	Mượn tiền	35.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Hùng Vương	Công ty mẹ	Cổ tức phải trả	-	37.748.271.000
TỔNG CỘNG			141.977.080.880	37.748.271.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

29. CÁC CAM KẾT

Các cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2016	Ngày 30 tháng 9 năm 2015
Đến 1 năm	1.420.160.770	93.276.043.530
Trên 1 – 5 năm	10.626.930.760	10.663.323.980
Trên 5 năm	40.918.216.598	59.022.144.150
TỔNG CỘNG	52.965.308.128	162.961.511.660

Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, Công ty có khoản cam kết trị giá 126.981.874.297 VND, 2.448.418 Đô la Mỹ và 216.000 Euro (ngày 30 tháng 9 năm 2015 là 149.233.418.674 VND, 2.661.593 Đô la Mỹ và 1.490.649 Euro) liên quan đến việc xây dựng nhà xưởng, lắp đặt và mua sắm các máy móc và thiết bị mới phục vụ hoạt động của Công ty.

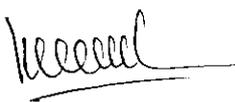
Các cam kết góp vốn

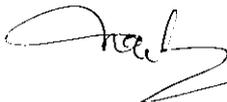
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, Công ty có khoản cam kết trị giá 250.000.000.000 VND (ngày 30 tháng 9 năm 2015: không) liên quan đến việc góp vốn vào các công ty con.

30. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 1 năm 2016 và Nghị Quyết Hội đồng Quản trị ngày 25 tháng 4 năm 2016, Công ty sẽ phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 150% từ nguồn thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành là 62.719.171 cổ phiếu. Theo đó, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành văn bản số 2297/UBCK-QLCB vào ngày 4 tháng 5 năm 2016 về việc chấp thuận phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty.

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.


Nguyễn Ngọc Thắm
Người lập


Nguyễn Công Bằng
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Hiến
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 5 năm 2016